

KHẢO SÁT SƠ BỘ THÀNH PHẦN VÀ HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI NHỰA TẠI XÃ LONG TRỊ A, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

Nguyễn Thanh Giao, Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Trường Đại học Cần Thơ

Tóm tắt

Mục tiêu của bài báo nhằm khảo sát thực trạng rác thải nhựa và công tác quản lý rác thải nhựa ở xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ nhằm đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả hơn. Bài báo sử dụng phương pháp dã ngoại điều tra, phỏng vấn 40 hộ dân về hiện trạng phát sinh rác thải nhựa và thu mẫu ngẫu nhiên 15 hộ dân tại địa bàn nghiên cứu để xác định lượng rác thải thực tế trong 1 tuần; nghiên cứu kết hợp với mô hình Euler cải tiến để ước tính khối lượng rác thải nhựa phát sinh trong tương lai. Kết quả nghiên cứu đã xác định được thực trạng phát sinh rác thải nhựa chủ yếu là rác sinh hoạt và rác thải trong sản xuất nông nghiệp. Kết quả phỏng vấn cho thấy đa số người dân sử dụng túi nilon của người bán chiếm tỷ lệ 73%, sử dụng túi xách mang theo khi mua sắm chiếm tỷ lệ 12%, sử dụng giỏ đựng thực phẩm chiếm 10% và sử dụng đồ dùng khác khi mua hàng hóa chiếm 5%. Bên cạnh đó, kết quả thu mẫu tại các hộ dân trong 1 tuần cho thấy tỷ lệ rác thải nhựa là chiếm tỷ lệ cao nhất là chai nhựa, dao động từ 87,7 - 92%; túi nilon chiếm tỷ lệ 4,7 - 7,1%; ống hút nhựa chiếm tỷ lệ 1,7 - 4,8%; hộp xốp chiếm tỷ lệ 0,8 - 1,2%. Lượng rác thải nhựa được các hộ dân thải ra trung bình trong 1 tuần là 3,12 kg/hộ; tương đương với 0,11 kg/người/ngày; Công tác quản lý rác thải nhựa tại địa phương được đặc biệt quan tâm để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, tuy nhiên vẫn còn ở quy mô nhỏ. Người dân chưa thực sự ý thức được hết những tác hại của rác thải nhựa nên công tác quản lý rác thải nhựa vẫn còn nhiều khó khăn. Kết quả của nghiên cứu có thể giúp nhà quản lý môi trường thông tin sơ bộ về chất thải nhựa từ đó tiến hành các nghiên cứu sâu rộng để quản lý chất thải nhựa tốt hơn trong tương lai.

Từ khóa: Rác thải nhựa; Quản lý rác thải nhựa, Hộ dân; Ô nhiễm môi trường; Xã Long Trị A; Long Mỹ; Hậu Giang

Abstract

Preliminary study of composition and current status of plastic waste management in Long Tri A commune, Chau Thanh district, Hau Giang province

This study is to preliminarily investigate the situation of plastic waste and plastic waste management in Long Tri A commune, Long My town, Hau Giang province to propose more effective management solutions. The study used direct interview method to survey and interview 40 households of the current situation of plastic waste generation. Random samples from 15 households in the study area were also collected to determine the actual amount of plastic waste in a week. The research results identified the situation of plastic waste generation, mainly domestic waste and agricultural waste. Interview results showed that the majority of interviewed people (73%) use plastic bags from sellers while only 12% of them use their handbags when shopping, 10% use their own food containing baskets and 5% use other containers

when buying goods. In addition, the results of plastic waste sampling in the households in one week showed that the highest proportion of plastic waste was plastic bottles, ranging from 87.7 - 92.0%; plastic bags accounted for 4.7 - 7.1%; plastic straws accounted for 1.7 - 4.8%; and foam box accounted for 0.8 - 1.2%. The average amount of plastic waste discharged by households in a week was 3.12 kg/household; equivalent to 0.11 kg/person/day. Although management of plastic waste in the locality is being improved, it is still on a small scale. People are not really aware of the harmful effects of plastic waste making plastic waste management quite challenging. The results of this study provide primary results of plastic wastes situation for local environmental managers to conduct more intensive research on plastic waste to improve plastic waste management in the future.

Keywords: Plastic waste; Plastic waste management; Households; Environmental pollution; Long Tri A; Long My; Hau Giang province

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, môi trường đang là vấn đề được toàn nhân loại quan tâm. Thời gian gần đây, con người đã quan tâm nhiều hơn tới ngôi nhà chung của nhân loại. Môi trường đang bị xuống cấp ở nhiều nơi và có khả năng gây ra nguy cơ mất cân bằng hệ sinh thái và phát triển không bền vững. Việt Nam đang có những chuyển biến mạnh mẽ sang nền kinh tế thị trường cùng với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa đã có những tác động tiêu cực đối với môi trường. Nền kinh tế phát triển, sự gia tăng dân số kéo theo một lượng rác thải lớn hàng ngày được thải vào môi trường sống làm gia tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường. Sự tiến bộ về kỹ thuật và công nghệ đã tạo ra nhiều vật liệu mới như polymer nhân tạo và nhựa rất hữu ích cho con người (Lê Hoàng Việt và Nguyễn Hữu Chiếm, 2013) [1]. Tuy nhiên, đây là các loại chất thải khó phân hủy nhưng lại được sử dụng phổ biến hàng ngày. Đặc biệt là rác thải nhựa được thải ra môi trường ngày càng nhiều gây mất cảnh quan và làm ô nhiễm môi trường (Nguyễn Văn Phước, 2008) [2]. Vì vậy, vấn đề rác thải nhựa ngày càng được quan tâm và chú trọng hơn.

Xã Long Tri A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang là một xã nông thôn

đang trong giai đoạn phát triển, đời sống người dân ngày càng được cải thiện, nhu cầu buôn bán trao đổi hàng hóa tăng cao, nhiều trường học và chợ được xây thêm. Nhưng song song với tốc độ phát triển đó thì lượng chất thải nhựa từ cuộc sống hàng ngày của người dân cũng tăng lên mà việc phân loại rác thải để định hướng xử lý thì còn rất hạn chế, ý thức người dân chưa cao. Phần lớn rác thải nhựa thải trực tiếp ra ngoài môi trường, đây chính là nguyên nhân gây ô nhiễm nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, làm mất vẻ mỹ quan, ảnh hưởng ở hiện tại và tương lai. Đồng thời, công tác quản lý rác thải tại vùng nông thôn còn gặp nhiều khó khăn (UBND tỉnh Hậu, 2018) [3]. Chính vì thế, vấn đề đặt ra là cơ chế quản lý rác thải nhựa đòi hỏi phải được hoạch định kỹ càng và khoa học.

Để có thể đưa ra các biện pháp quản lý hiệu quả rác thải nhựa thì việc khảo sát thực trạng rác thải là công việc hết sức cần thiết. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu hiện trạng phát sinh và công tác quản lý rác thải nhựa để đề xuất các giải pháp quản lý hợp lý giúp cho các nhà quản lý định hướng quy hoạch phân khu xử lý chất thải nhựa làm giảm tác động của rác thải nhựa đối với con người và môi trường.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp

Thu thập thông tin về thu nhập bình quân đầu người ở xã Long Trị A, Thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Ngoài ra, còn thu thập thông tin, các cơ sở dữ liệu có liên quan đến đề tài từ các nguồn tài liệu (sách, giáo trình, internet). Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội tại địa bàn nghiên cứu.

2.2. Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp

Số liệu được thu thập thông qua sử dụng bảng câu hỏi phỏng vấn với đối tượng được chọn phỏng vấn là người tiêu dùng hiện đang sinh sống tại xã Long Trị A, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 40 hộ dân nhằm thu thập thông tin về độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp, ý kiến của người dân về hiện trạng phát sinh, quản lý chất thải nhựa, trên cơ sở đó làm định hướng xây dựng các chương trình nghiên cứu sâu rộng nhằm giải quyết vấn đề rác thải nhựa.

2.3. Phương pháp thu mẫu

Để đánh giá tốc độ phát sinh và thành phần chất thải 14 hộ trong vùng khảo sát được chọn để phát bọc nylon dùng để chứa toàn bộ chất thải rắn trong gia đình. Hàng ngày bọc chứa rác được thu lại vào lúc 17h00 để phân loại, tính toán thành phần chất thải rắn, tốc độ phát sinh chất thải rắn. Phân loại rác thải tại nguồn được tiến hành theo tài liệu nghiên cứu của Nguyễn Thị Thu Thủy (2012) [4] và Nguyễn Thị Thúy Vy và Bùi Thị Nga (2014) [5]. Cụ thể, rác hữu cơ bao gồm rác thải dễ phân hủy bao gồm thức ăn thừa, rau, củ, quả, lá cây, cành cây và khó phân hủy bao gồm bọc nylon, ống hút, chai, ly, lọ nhựa; Rác

thải vô cơ bao gồm thủy tinh, chai, lọ; Rác thải độc hại bao gồm pin, bóng đèn, ắc quy, cao su, vỏ thuốc trừ sâu. Rác thải khác bao gồm đất, đá, gạch vụn. Mỗi liên hệ giữa chất thải nhựa và tình trạng kinh tế gia đình của được đánh giá trong nghiên cứu này. Lượng chất thải nhựa được tính riêng cho từng hộ được khảo sát và sau đó tính trung bình chung cho các hộ đó. Kết quả phỏng vấn được nhập vào bảng tính Microsoft Excel 2016 để tổng hợp, tính toán phần trăm và trình bày số liệu dưới dạng bảng, biểu đồ đơn giản.

3. Kết quả thảo luận

3.1. Đặc điểm dân cư được khảo sát

Kết quả phỏng vấn cho thấy tỷ lệ người trả lời phỏng vấn có 83% là nữ còn lại 17% là nam điều đó góp phần tăng độ thực tế của các thông tin được khảo sát. Mặt khác, việc các đối tượng trả lời là nữ sẽ giúp nắm bắt rõ hơn về tình hình sử dụng rác thải và xử lý rác thải nhựa tại địa phương vì đây là nhóm đối tượng trực tiếp phụ trách vấn đề nội trợ và quản lý gia đình.

Không chỉ giới tính mà độ tuổi của các đối tượng được phỏng vấn cũng rất quan trọng, điều này giúp việc đảm bảo độ tin cậy của nguồn thông tin cũng như thực trạng tại vùng nghiên cứu. Thống kê cho thấy nhóm tuổi người trả lời phỏng vấn cao nhất từ 30 - 45 tuổi chiếm 47%, tiếp đến là độ tuổi 45 - 60 tuổi chiếm 30%, nhóm tuổi dưới 30 chiếm 15% và thấp nhất là nhóm trên 60 tuổi chiếm 8%.

Số nhân khẩu trong gia đình cũng rất quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu nhu yếu phẩm đáp ứng nhu cầu, chiếm tỷ lệ cao nhất là nhóm hộ có số nhân khẩu từ 3 - 4 người (58%), kế đến là nhóm có từ 1 - 2 người (27%) trong gia đình và thấp nhất là nhóm có trên 4 người (15%). Trình độ học vấn của người được phỏng

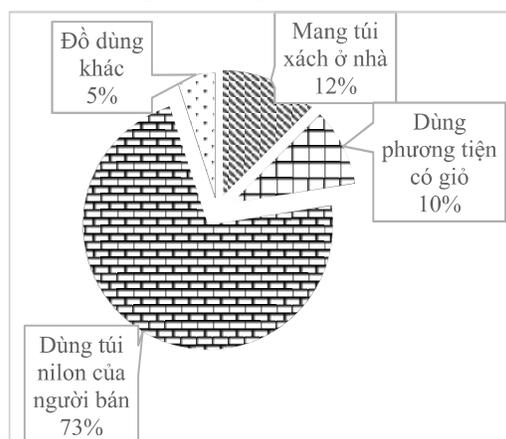
vấn cũng có vai trò quan trọng, nó góp phần tác động đến nhận thức của người dân về vấn đề sử dụng, quản lý và xử lý rác thải nhựa tại địa phương. Kết quả cho thấy, nhóm đối tượng có trình độ học vấn chiếm tỷ lệ cao nhất là Cấp 2 (43%), tiếp đến nhóm có trình độ học vấn có tỷ lệ cao thứ 2 là Cấp 3 (25%), còn lại là Cấp 1 (20%), không đi học (7%) và đối tượng có trình độ học vấn chiếm tỷ lệ thấp nhất là Đại học - Cao đẳng (5%).

Theo kết quả phỏng vấn ngành nghề của nông hộ cho thấy, đa số người dân làm nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất là 60%, người được phỏng vấn là công viên chức chiếm tỷ lệ thấp nhất là 10%, còn lại là những hộ tư thương chiếm 17% và ngành nghề khác chiếm 13%. Thu nhập bình quân của nông hộ cho thấy, trung bình thu nhập đạt 3 - 4 triệu/người/tháng chiếm tỷ lệ cao nhất (63%), thấp nhất (17%) với mức thu nhập dưới 3 triệu/người/tháng và mức thu nhập trên 4 triệu/người/tháng đạt (20%). Việc khảo sát về thu nhập của nông hộ là rất quan trọng vì khả năng kinh tế tác động rất lớn đến việc sử dụng các đồ dùng đặc biệt là việc sử dụng các sản phẩm nữa không đảm bảo về chất lượng và tuổi thọ sản phẩm tăng tỷ lệ phát thải và nhiều vấn đề liên quan.

Với đặc điểm của khu vực nông thôn và nông nghiệp là nhóm nghề chủ yếu tại địa phương cũng có thể đánh giá sơ bộ về các đặc điểm về loại rác thải nhựa chủ yếu tập trung vào rác thải dân sinh và các rác thải liên quan đến nông nghiệp như các bao bì, chai lọ, thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng. Vấn đề trình độ học vấn tại địa phương cũng là một lợi thế góp phần quan trọng đến nhận thức của người dân về nhìn nhận vấn đề tác hại cũng như phương thức xử lý phù hợp đảm bảo môi trường sống.

3.2. Hiện trạng phát sinh chất thải nhựa

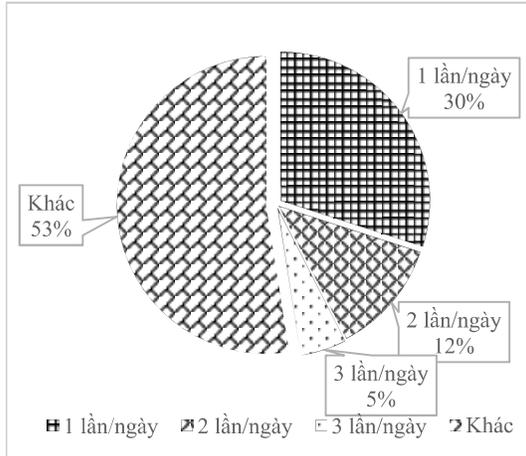
Để có thể đánh giá được hiện trạng quản lý chất thải nhựa, trước tiên ta cần kiểm kê các nguồn thải, trong đó nguồn phát sinh chất thải nhựa chủ yếu ở nông thôn là các khu chợ truyền thống. Kết quả khảo sát cho thấy (Hình 1), phần lớn người dân sử dụng túi nilon từ người bán chiếm tỷ lệ cao nhất là 73%, rất ít người dân sử dụng túi xách ở nhà hoặc phương tiện có giỏ khi đi chợ chiếm tỷ lệ lần lượt là 12% và 10%, thấp nhất là tỷ lệ người dân sử dụng đồ dùng khác chiếm 5%.



Hình 1: Việc sử dụng đồ dùng nhựa trong sinh hoạt

Ngoài việc khảo sát về hình thức sử dụng các dụng cụ để đựng thực phẩm khi đi chợ của người dân, nghiên cứu cũng quan tâm đến số lần đi chợ của các hộ dân được trình bày chi tiết tại Hình 2. Số lần đi chợ trung bình của một hộ gia đình chiếm tỷ lệ thấp nhất là 3 lần/ngày chiếm 5%, tiếp theo là 2 lần/ngày chiếm 12%, số hộ gia đình đi chợ 1 lần/ngày chiếm tỷ lệ khá cao chiếm 30% nhưng cao nhất là các loại hình mua chủ yếu thực phẩm tại nhà vì đây là khu vực nông thôn người dân tự sản xuất và sử dụng các thực phẩm tại gia, chỉ mua các thứ cần thiết thông qua các xe bán hàng lưu động và ít khi đi chợ chiếm 53%.

Nghiên cứu

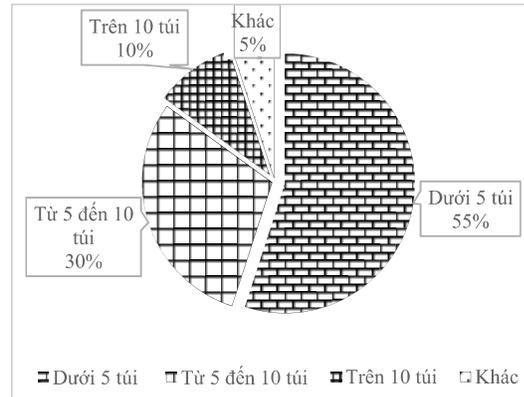


Hình 2: Số lần đi chợ của các hộ gia đình được khảo sát

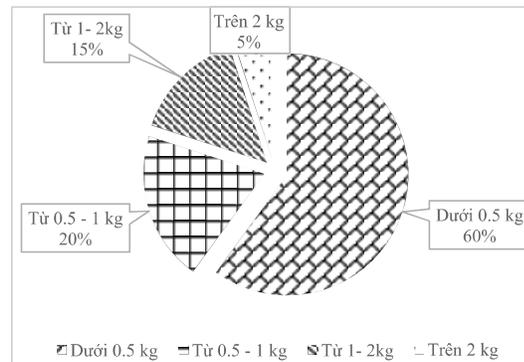
Mặt khác vấn đề được quan tâm nhất là số lượng túi nilon được sử dụng trên mỗi lần đi mua các thực phẩm của người dân đây chính là các nguồn ô nhiễm trắng tiềm tàng nếu không được quản lý và xử lý hiệu quả. Kết quả cho thấy số lượng túi được mua về khi đi chợ dưới 5 túi là 55% chiếm tỷ lệ cao nhất, tỷ lệ cao thứ hai là 30% với số túi từ 5 đến 10 túi trong một lần đi chợ, tiếp đến là 10% với số lượng trên 10 túi trong một lần đi chợ và thấp nhất là 5% với hình thức sử dụng giỏ cá nhân hoặc phương tiện có giỏ để đi chợ (Hình 3). Các hộ sử dụng trên 10 túi nilon/ lần đi chợ đều là các hộ buôn bán hàng quán nên nhu cầu sử dụng các túi nilon là rất lớn cũng như việc dùng các túi để đựng các sản phẩm cho khách và đây cũng là những đối tượng tiêu biểu nếu có các sản phẩm thay thế an toàn dễ dàng phổ biến đến người trong địa phương.

Qua số liệu thu được từ việc phỏng vấn hộ dân, lượng rác phát thải hằng ngày của các hộ gia đình được thể hiện qua Hình 4 với tỷ lệ rác phát thải từ sinh hoạt hằng ngày khoảng dưới 0,5 kg chiếm 60% đạt tỷ lệ cao nhất, tỷ lệ thấp nhất là 5% với lượng rác trên 2 kg trong ngày, còn lại là lượng rác thải trung bình từ 1 - 2 kg và

từ 0,5 - 1 kg chiếm tỷ lệ lần lượt là 15% và 20%. Khối lượng rác thải nhựa bình quân của mỗi hộ trong một tuần được ghi nhận là 3,12 kg tương đương với 0,11 kg/người/ngày.



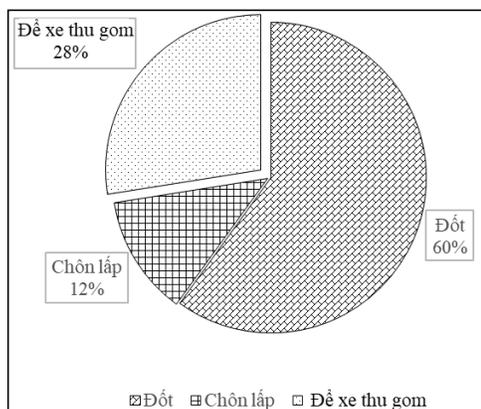
Hình 3: Số túi nilon được sử dụng mỗi lần đi chợ



Hình 4: Khối lượng rác phát thải hằng ngày của các hộ gia đình

3.3. Hiện trạng xử lý rác thải tại xã Long Trị A

Khảo sát các hình thức xử lý rác thải của người dân trong vùng nghiên cứu (Hình 5) cho thấy đốt là phương pháp phổ biến đặc trưng của vùng nông thôn tỷ lệ này chiếm đến 60%, tiếp đến là để dịch vụ thu gom chiếm 28% và thấp nhất là hình thức xử lý bằng việc chôn lấp chiếm 12%. Tuy rằng tỷ lệ sử dụng dịch vụ thu gom không chiếm tỷ lệ cao nhưng người dân không thải trực tiếp ra môi trường và được xử lý.

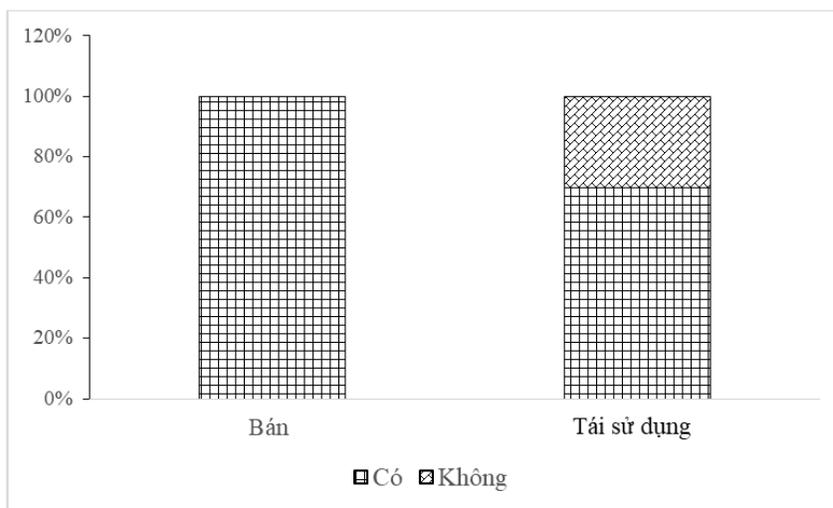


Hình 5: Hình thức xử lý rác tại địa phương

Tìm hiểu về việc phân loại rác thải của các hộ dân cho thấy có hai nhóm rác được người dân phân loại tại nguồn là nhóm rác thải có thể tái sử dụng hoặc tận thu kinh tế và nhóm rác còn lại. Mặt khác

vấn đề phân loại rác cũng phản ánh được nhận thức liên quan đến vấn đề tận thu và tiết kiệm kinh tế chứ không quan tâm về các vấn đề ô nhiễm rác thải nhựa như hiện nay. Tuy nhiên, việc đó cũng đã góp phần quan trọng trong vấn đề phân loại rác thải nhựa giúp quản lý dễ dàng hơn so với việc vớt rác tổng hợp như trước đây.

Thực tế cho thấy việc hỏi về các hình thức xử lý rác thải không phản ánh chính xác việc xử lý rác thải nhựa vì thói quen của người dân thường xử lý các loại rác dạng tổng hợp và chỉ phân loại hay nói cách khác là tận thu phế thải để tái sử dụng hoặc bán để tận thu kinh tế tỷ lệ này là 100% và tỷ lệ tái sử dụng lại các sản phẩm nhựa như bao nhựa, túi nilon lên đến 73% (Hình 6).



Hình 6: Hình thức xử lý rác thải nhựa chủ yếu của người dân

3.4. Nhận thức của người dân về rác thải nhựa

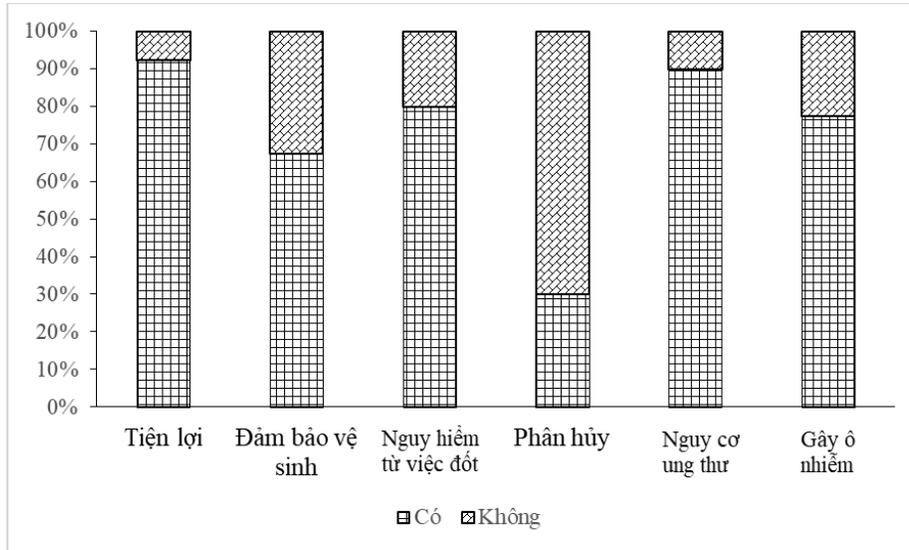
Việc đánh giá nhận thức của người dân về các vấn đề xoay quanh rác thải nhựa là một trong những vấn đề cơ bản góp phần quan trọng trong việc bảo vệ môi trường. Kết quả khảo sát được thể hiện cụ thể tại (Hình 7) cho thấy, về sự tiện lợi của các sản phẩm nhựa được người dân đánh giá rất cao tỷ lệ này lên đến 92,5%,

đối với vấn đề đảm bảo vệ sinh của các sản phẩm bao bì nhựa thì có đến 67,5% người dân cho là đảm bảo hơn khi không sử dụng, mặt khác 22,5% cho rằng việc sử dụng các bao bì từ nilon không đảm bảo về tính vệ sinh. Khi hỏi về việc đốt rác thải nhựa có thể gây nguy hiểm đến sức khỏe con người và ô nhiễm môi trường thì có đến 80% có đáp án là “có” tác động tiêu cực đến sức khỏe và môi trường. Tìm hiểu về rác thải nhựa có thể phân hủy hay

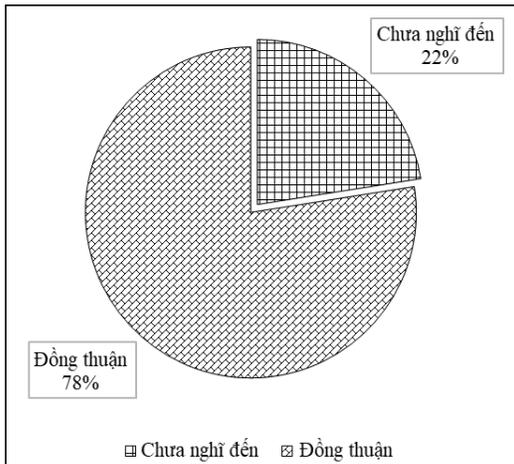
Nghiên cứu

không thì có đến 70% có đáp án là không phân hủy điều đó cho thấy mức độ nhận thức của người dân về sự lưu tồn của rác thải nhựa là rất cao. Đồng thời về vấn đề việc sử dụng không hợp lý chất thải nhựa không phù hợp có thể gây ung thư và ô nhiễm môi trường thì tỷ lệ trả lời có lần lượt là 90% và 77,5%.

Nhìn chung nhận thức của người dân về tác động tiêu cực của chất thải nhựa là rất cao điều đó cho thấy người dân càng quan tâm nhiều hơn đến vấn đề rác thải nhựa và các nguy hại đến sinh thái và cả con người không chỉ cho bản thân mà còn cho những người xung quanh.



Hình 7: Nhận thức của người dân về các vấn đề của rác thải nhựa



Hình 8: Ý kiến của người dân về việc cấm không sử dụng túi nilon

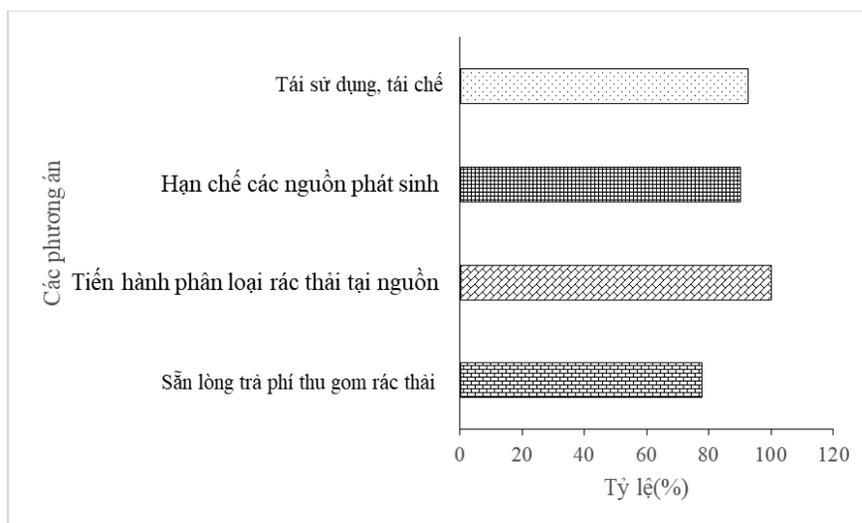
Nghiên cứu cũng đưa ra phương án về việc cấm không được sử dụng túi nilon nữa thì người dân sẽ phản ứng như thế nào? Kết quả của người dân cho thấy tỷ

lệ người đồng thuận với các chính sách về giảm thải ô nhiễm chất thải nhựa là rất cao tỷ lệ này chiếm đến 77,5% còn lại 22,5% không nghĩ đến vấn đề sẽ cấm sử dụng (Hình 8). Tìm hiểu rõ hơn về các biện pháp thay thế khi không được sử dụng túi nilon nữa thì người dân luôn đồng thuận và tin sẽ có các sản phẩm thay thế và giải quyết vấn đề mà túi nilon cũng như các sản phẩm nhựa gây ra.

Không chỉ khảo sát về hiện trạng và nhận thức của người dân về chất thải nhựa mà nghiên cứu cũng tập trung vào các giải pháp của người dân trong việc giảm thiểu chất thải nhựa bảo vệ và cải thiện môi trường. Kết quả thu được các ý kiến được thể hiện chi tiết tại Hình 9 cho thấy, tái sử dụng, phương án tiến hành phân loại rác tại nguồn chiếm tỷ lệ tuyệt

đổi sự đồng thuận của người dân, tiếp đến là phương án tái chế và tái sử dụng các sản phẩm nhựa chiếm 92,9%, Hạn chế các nguồn phát sinh chiếm 90% và thấp nhất là phương án chi trả phí dịch vụ thu gom

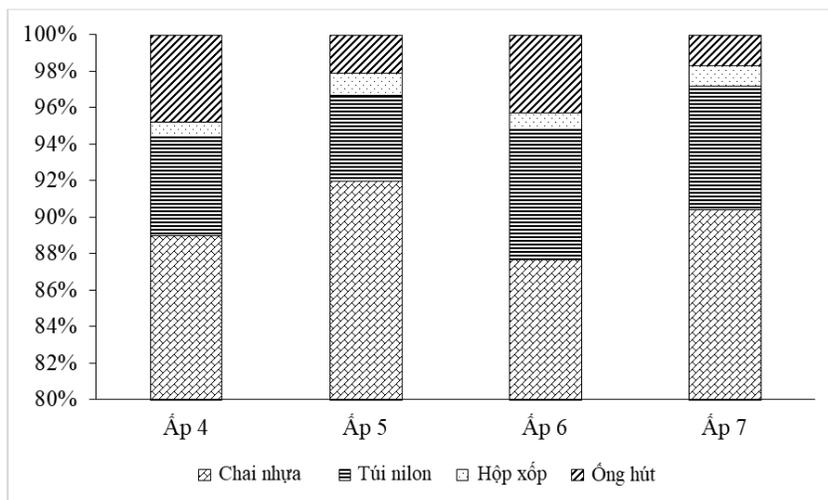
chiếm 77,5%. Nhìn chung, tỷ lệ người dân đồng thuận các đề xuất bảo vệ môi trường trước rác thải nhựa ở mức độ rất cao điều đó góp phần quan trọng giảm thiểu chất thải nhựa cải thiện ô nhiễm môi trường.



Hình 9: Các phương án giảm thiểu rác thải nhựa

3.5. Tỷ lệ rác thải nhựa của các hộ gia đình sau một tuần

Kết quả thu mẫu rác thải nhựa tại vùng nghiên cứu trong 1 tuần (Hình 10) cho thấy tỷ lệ cao nhất là chai nhựa dao động từ 87,7 đến 92%, với giá trị cao nhất tại Ấp 5 (92%), kế đến là tại Ấp 7 (90,4%), Ấp 4 (89%) và thấp nhất là tại Ấp 6 (87,7%). Kế đến là túi nilon chiếm tỷ lệ từ 4,7% đến 7,1% với giá trị cao nhất tại Ấp 6 và thấp nhất tại Ấp 5. Tỷ lệ ống hút chiếm từ 1,7% đến 4,8% cao nhất tại Ấp 4 và thấp nhất tại Ấp 7. Cuối cùng nhóm có tỷ lệ thấp nhất là hộp xốp chiếm tỷ lệ từ 0,8 đến 1,2% trên tổng khối lượng rác thải nhựa.



Hình 10: Tỷ lệ rác thải nhựa được thu trong một tuần tại vùng nghiên cứu

3.6. Hiện trạng quản lý chất thải nhựa tại địa phương

Kết quả phỏng vấn các cán bộ địa phương về “công tác quản lý rác thải nhựa tại địa phương” cho thấy: “Trong công tác bảo vệ môi trường rất tốt, ý thức chấp hành tốt đặc biệt là không có ý kiến của người dân về ô nhiễm môi trường”. Với nhân lực tại chỗ gồm 4 nhân viên thu gom rác và 1 xe thu gom hoạt động thường xuyên thu gom đảm bảo không để rác tồn đọng tại địa phương gây ô nhiễm môi trường cũng như ảnh hưởng đến người dân. Với mức lương được hỗ trợ tối thiểu là 4 triệu/người theo quy định của Nhà nước đồng thời các phụ cấp từ việc bán tận thu cũng được hỗ trợ đảm bảo ổn định kinh tế của nhân viên thu gom rác tại địa phương.

Từ đó cho thấy công tác quản lý chất thải của địa phương đặc biệt là rác thải nhựa là rất tốt. Qua kết quả khảo sát cán bộ về các hoạt động quản lý tại địa phương cho thấy tại địa phương các hoạt động tổ chức thu gom, phân loại và tuyên truyền đã được thực hiện đầy đủ và đạt hiệu quả.

3.7. Những thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp quản lý và xử lý chất thải nhựa

3.7.1. Những thuận lợi

Về phía người dân cho thấy khả năng nhận thức của người dân địa phương về các tác động của rác thải nhựa cũng như nguy cơ mà rác thải nhựa đem lại cho sức khỏe và môi trường sống tương đối cao. Toàn bộ các hộ dân được khảo sát đều cho biết có phân loại rác tại nhà và tái sử dụng các loại rác thải. Việc xử lý các loại rác thải tại gia đình đã góp phần quan trọng trong việc giảm lượng rác thải nói chung và rác thải nhựa nói riêng ra môi trường. Đối với chính quyền địa phương, có sự quan tâm của các cấp, các ngành về việc bảo vệ môi

trường thể hiện cụ thể qua việc tổ chức thu gom, xử lý các loại rác thải. Thường xuyên tuyên truyền về các tác hại của chất thải nhựa, từ đó người dân cũng ý thức được việc hạn chế sử dụng các sản phẩm từ nhựa đặc biệt là các sản phẩm chỉ dùng một lần.

3.7.2. Những khó khăn

Qua thực tế cho thấy, việc phân loại rác của người dân không xuất phát từ việc bảo vệ môi trường mà thực tế chỉ quan tâm đến giá trị kinh tế thu được từ việc bán các rác thải nhựa nói chung. Việc người dân không sử dụng dịch vụ thu gom rác của địa phương cũng là một vấn đề cần quan tâm vì nó không chỉ tăng nguy cơ phát thải ô nhiễm môi trường nói chung và ô nhiễm rác thải nhựa nói riêng mà còn có nhiều nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe do đốt rác và các sản phẩm nhựa, đặc biệt là các chai lọ thuốc bảo vệ thực vật. Tuy người dân biết về tác hại của các sản phẩm nhựa đặc biệt là các sản phẩm chỉ dùng 1 lần nhưng tính tiện lợi và giá thành thấp nên người dân vẫn duy trì sử dụng. Đối với chính quyền địa phương, với nhân lực và cơ sở vật chất còn nhiều hạn chế (4 nhân viên và 1 xe thu gom) chưa đảm bảo việc thu gom hiệu quả. Việc người dân không tham gia đầy đủ dịch vụ thu gom rác làm tăng chi phí thu gom của các hộ tham gia đồng thời nguồn tài chính cũng không đảm bảo duy trì vận hành thu gom. Một số người dân còn chưa có ý thức trong vấn đề bảo vệ môi trường. Ngoài ra, thực tế khảo sát cũng cho thấy, dù người dân có tham gia sử dụng dịch vụ thu gom rác tuy nhiên các vị trí đặt các thùng chứa rác thải ở những vị trí chưa thật sự phù hợp, chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân. Việc thu mua phế liệu bao gồm cả các bao bì thuốc bảo vệ thực vật tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm và ảnh hưởng đến rủi ro sinh thái từ việc lưu tồn, thu trữ đến mua bán và vận chuyển nhóm chất thải nguy hại.

3.7.3. Một số giải pháp quản lý chất thải nhựa

Cần nâng cao hơn nữa nhận thức của người dân về vấn đề rác thải nói riêng và bảo vệ môi trường nói chung. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục đặc biệt là trong môi trường giáo dục không chỉ cho học sinh mà còn đối với phụ huynh học sinh về việc cam kết thực hiện bảo vệ môi trường. Khuyến khích, vận động người dân tham gia sử dụng dịch vụ thu gom cũng như giảm thiểu việc xử lý rác nhựa tại gia đình bằng phương pháp đốt lộ thiên. Khuyến khích người dân sử dụng các sản phẩm thay thế cũng như ủng hộ các sản phẩm thân thiện với môi trường đến tay người dân. Quản lý các hình thức thu mua phế liệu, đặc biệt là các loại rác thải nguy hại như bình ắc quy, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật đang diễn ra trong thời gian qua tại địa phương. Thiết kế lại vị trí đặt thùng chứa rác thải phù hợp cho dễ dàng đáp ứng nhu cầu cho người dân.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã xác định được nguồn phát sinh rác thải nhựa tại địa bàn nghiên cứu chủ yếu là do các sinh hoạt hàng ngày và các hoạt động trong sản xuất nông nghiệp. Nghiên cứu cũng đã phân nhóm được các loại rác thải nhựa phổ biến, trong đó, chiếm tỷ lệ cao nhất là các loại chai nhựa (87,7 - 92%), tiếp đến là bao bì nilon (4,7 - 7,1%), ống hút (1,7 - 4,8%) và cuối cùng các loại hộp xốp (0,8 - 1,2%). Khối lượng rác thải nhựa bình quân của mỗi hộ trong một tuần được ghi nhận là

3,12 kg tương đương với 0,11 kg/người/ngày. Công tác quản lý chất thải rắn tại địa phương đặc biệt là rác thải nhựa luôn được quan tâm duy trì và đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Ngoài các thuận lợi về ý thức của người dân về tác hại, quản lý và xử lý rác thải nhựa nghiên cứu còn nghi nhận được cán vấn đề về phương thức xử lý rác thải nhựa bằng phương pháp đốt tự phát và việc mua bán các chai lọ chứa thuốc bảo vệ thực vật của người dân còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi cho sức khỏe và môi trường. Cần phải có chính sách hạn chế việc sử dụng quá mức chất thải nhựa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Lê Hoàng Việt, Nguyễn Hữu Chiêm (2013). *Giáo trình Quản lý và xử lý chất thải rắn*. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.

[2]. Nguyễn Văn Phước (2008). *Quản lý và xử lý chất thải rắn - Tập 2*. Nhà xuất bản xây dựng Hà Nội.

[3]. Ủy Ban nhân dân tỉnh Hậu Giang (2018). *Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hậu Giang*.

[4]. Nguyễn Thị Thu Thủy (2012). *Đánh giá thực trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt và đề xuất phương hướng giải quyết chất thải rắn sinh hoạt tại địa bàn xã Quyết Thắng - thành phố Thái Nguyên*.

[5]. Nguyễn Thị Thúy Vy và Bùi Thị Nga (2014). *Thực trạng quản lý chất thải sinh hoạt tại quận Bình Thủy thành phố Cần Thơ*. Tạp chí khoa học Cần Thơ. Số 4 (2014): 1 - 12.

BBT nhận bài: 25/7/2020; Phản biện xong: 14/8/2020; Chấp nhận đăng: 28/9/2020